

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS - XD HAP 004

(Kèm theo Giấy chứng nhận số:/GCN-SXD ngày
của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
(1)	(2)	(3)
I	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của cốt liệu	
1	Thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2:06 TCVN 14134-5:24 ASTM C136 AASHTO T27
2	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước, Tỷ trọng khối	TCVN 7572-4:06 ASTM C127, C566 AASHTO T225, AASHTO T85 AASHTO T84
3	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06 ASTM C70, C127, C29
4	Khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6:06 ASTM C29M AASHTO T19
5	Độ ẩm	TCVN 7572-7:06 ASTM C566 AASHTO T255
6	HL bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06 ASTM C142 AASHTO T112
7	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06 ASTM C40
8	Cường độ, hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06 ASTM D2938
9	Độ nén đập, hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06 ASTM C131 AASHTO T96
10	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06 ASTM C117
11	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17:06 ASTM C142 AASHTO T112 AASHTO T122
12	Hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06
13	Hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:06
14	Xác định độ góc cạnh	TCVN 11807
15	Xác định hàm lượng vật liệu nhỏ hơn 0,075mm bằng phương pháp rửa	AASHTO T11
16	Xác định hàm lượng hạt cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205: 2012
II	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	
17	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106:2022 ASTM C143

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
(1)	(2)	(3)
		AASHTO T199
18	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993, TCVN 3115:2022 ASTM C138 AASHTO T121
19	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022 ASTM C232
20	Phương pháp phân tích thành phần	TCVN 3110:1993
21	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022 EN 12350-7: 2009
22	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022 ASTM C642 EN 12350-7: 2009
23	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
24	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022 ASTM C642
25	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022 ASTM C39 AASHTO T22-10
26	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022 ASTM C293-10 AASHTO T97
27	Xác định giới hạn bền kéo khi bẻ	TCVN 3120: 2022
28	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726: 2022 ASTM C469-10
29	Lấy mẫu bê tông bằng khoan từ cấu kiện	ASTM C42-2004
30	Nén mẫu khoan lấy từ cấu kiện	TCVN 239:2006, TCVN 12252:2020
III	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch xây	
31	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1: 09
32	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2: 09
33	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3: 09
34	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4: 09
35	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5: 09
36	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6: 09
IV	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch bê tông bọt, khí không chưng áp	
37	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030: 2017
38	Xác định kích thước, độ vuông góc, thẳng cạnh	TCVN 7959: 2017
39	Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 7959: 2017
40	Xác định cường độ nén	TCVN 9030: 2017
41	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 2022
V	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch tự chèn	
42	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476: 1999
43	Xác định cường độ nén	TCVN 6476: 1999
44	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4: 09
45	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065: 1995
VI	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch bê tông	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
(1)	(2)	(3)
46	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477: 2016
47	Xác định cường độ nén	TCVN 6477: 2016
48	Xác định độ rỗng	TCVN 6477: 2016
49	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477: 2016
50	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4: 09
VII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch terrazo	
51	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744: 2013
52	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744: 2013
53	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 6065: 1995
54	Xác định độ bền uốn	TCVN 6355-3: 09
VIII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của Bê tông nhựa	
55	Xác định độ bền, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11 AASHTO T245
56	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:11 AASHTO T164 ASTM D2172
57	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
58	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
59	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11
60	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
61	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
62	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11
63	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
64	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
65	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
66	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
IX	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhựa Bitum	
67	Độ kéo dài	TCVN 7496: 2005 ASTM D113
68	Lượng tổn thất sau khi đun ở 163 ⁰ C trong 5h	TCVN 7499: 2005 ASTM D6
69	Hàm lượng hòa tan của nhựa trong Tricloretylen	TCVN 7500: 2005 ASTM D2042
70	Khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 7501: 2005 ASTM D2042
71	Độ bám dính với đá	TCVN 7504: 2005
X	Thử nghiệm tại hiện trường	
72	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất bằng phương pháp dao đại	22TCN 02: 1971 TCVN 12791: 2020 TCVN 8730: 2012 AASHTO T204
73	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346: 2006 AASHTO T191

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
(1)	(2)	(3)
		TCVN 8729:2012 ASTM D1556
74	Xác định thành phần hạt của cấp phối đá dăm	AASHTO T27 TCVN 8859: 2023
75	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3,0m	TCVN 8864: 2011
76	Thí nghiệm mô đun đàn hồi bằng cần Benkelman	TCVN 8867: 2011
77	Thí nghiệm xác định cường độ bê tông của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334: 2012

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.